

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH Q**

Bản án số: 24/HSST

Ngày: 29/4/2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự do- Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Triệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Sinh
2. Ông Trần Mậu Thảo

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trúc Quỳnh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 08/2022/TLST-HS ngày 16 tháng 02 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Chí T, sinh năm 1976, tại thị xã Đ, tỉnh Quảng N.

Nơi ĐKKHKT: Tổ L 1, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng N, tạm trú khu N, thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Q; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo không. nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; con ông Trần Chánh Đ (SN: 1949, đã chết) và bà Nguyễn Thị M (SN: 1950, đã chết); vợ là Nguyễn Thị Thúy K (SN: 1984); ĐKKHKT: Tổ L1, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng N; tạm trú khu N, thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Q. Bị cáo có hai con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2009.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 22/9/2021 đến ngày 02/12/2021, bị cáo được cho bảo lãnh. Hiện nay bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

- Người bị hại:

1. Anh Lê Đình L sinh năm 1997 (chết)

Người đại diện hợp pháp cho bị hại L:

+ Ông Lê Đình P (cha ruột của bị hại L) sinh năm 1965, trú tại thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q, có mặt

+ Bà Lê Thị V (mẹ ruột của bị hại) sinh năm 1970, trú tại thôn P, xã Đ, Huyện Đ, tỉnh Q, có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc D (vợ của bị hại) sinh năm 2000, trú tại thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q, vắng mặt

2. Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1997, trú tại thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 12/7/2021, bị cáo Trần Chí T cùng một số người hàng xóm đi dự đám tang rồi rủ nhau đi uống bia. Sau khi uống bia xong T về nhà tại thị trấn A, phụ vợ bán hủ tiếu. Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày khi đã bán hết hủ tiếu, T điều khiển xe ô tô con BKS 43A-073.73 từ thị trấn A đến xã Đ, huyện Đ theo đường ĐT609B. Lúc này trời tối nên T bật đèn chiếu sáng trước để quan sát đường đi. Đến khoảng 23 giờ 00 cùng ngày, khi đến Km 0+960 đường ĐT609B thuộc thôn P, xã Đ, T thấy đoạn đường phía trước gồ ghề thì giảm tốc độ và thấy không có xe đi ngược chiều nên bật đèn xi nhan để báo hiệu xin đường, điều khiển cho xe lấn sang phần đường bên trái thì tông vào xe mô tô BKS 92H3-7809 do Lê Đình L (SN: 1997, trú thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q) điều khiển chở Nguyễn Ngọc H (SN: 1997, trú thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q) ngồi sau chạy ngược lại làm L và H ngã xuống đường. Hậu quả anh Lê Đình L chết trên đường đi cấp cứu; anh Nguyễn Ngọc H bị thương được đưa đi cấp cứu.

Kết quả khám nghiệm hiện trường vụ án thể hiện:

Vụ tai nạn giao thông xảy ra tại Km 0+960 đường ĐT609B thuộc thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q. Đường bê tông nhựa, mặt đường gồ ghề, không có dải phân cách, không có vạch kẻ đường, không có đèn chiếu sáng, chiều rộng mặt đường là 6,2 mét, lề đường hai bên nền đất, lề đường bên phải hướng Đà Nẵng – Ái Nghĩa rộng 2,0 mét.

Chọn mép đường bên phải theo hướng Đà Nẵng – Ái Nghĩa làm chuẩn. Chọn góc phía trước, bên trái nhà ông Huỳnh Xuân C làm điểm mốc. Điểm mốc cách mép đường chuẩn là 5,95 mét, cách trực trước xe mô tô 92H3-7809 là 4,95 mét.

Xe mô tô 92H3-7809 nằm ngã nghiêng sang bên phải, dọc theo trục đường, đầu xe quay hướng Đà Nẵng, xe nằm trên lề đất bên phải hướng Đà Nẵng – Ái Nghĩa. Trục trước xe mô tô cách mép đường chuẩn 1,35 mét, trục sau xe mô tô cách mép đường chuẩn 1,55 mét.

Xe ô tô 43A-073.73 sau khi xảy ra tai nạn đỗ dọc theo trục đường, đầu xe hướng Đà Nẵng. Trục trước bên trái xe ô tô cách mép đường chuẩn 0,7 mét, trục sau bên trái xe ô tô cách mép đường chuẩn 0,75 mét. Trục trước bên trái xe ô tô cách trục trước xe mô tô 92H3-7809 là 2,15 mét.

Dấu vết máu (1) dài 0,5 mét; rộng 0,3 mét; từ tâm vết máu cách mép đường chuẩn 0,7 mét; tâm vết máu cách trục sau xe mô tô 92H3-7809 là 1,8 mét.

Dấu vết máu (2) dài 1,2 mét; rộng 0,6 mét; tâm vết máu cách mép đường chuẩn là 2,95 mét; tâm vết máu cách trục sau xe mô tô 92H3-7809 là 3,0 mét.

Phần mặt đường gồ ghề dài 17,5 mét; rộng 4,2 mét; điểm gần nhất của đoạn đường gồ ghề cách mép đường chuẩn là 2,0 mét. Từ điểm đầu đoạn đường gồ ghề đến trục sau bên trái xe ô tô 43A-073.73 là 14,0 mét.

(BL: 19-29; 90-99; 129-134; 168-172; 188-190)

Sau khi xảy ra tai nạn, Trần Chí T đến Công an huyện Đ trình báo sự việc. Cơ quan Công an tiến hành đo nồng độ cồn trong hơi thở của Trần Chí T lúc 00 giờ 43 phút 08 giây ngày 13/7/2021, kết quả phát hiện nồng độ cồn trong hơi thở của Trần Chí T là 0,466 mg/L khí thở.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 142.21/GDPY-PC09 ngày 25/7/2021 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Q kết luận: *“Lê Đình L, sinh năm 1997, chết do sốc chất thương, suy hô hấp - tuần hoàn cấp không hồi phục, hậu quả của đa chấn thương (chấn thương sọ não, chấn thương ngực)”*.

Tại Bản giám định thương tích số 440/GĐTT.21 ngày 02/11/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Q kết luận giám định thương tích đối với Nguyễn Ngọc H: *“Tổn thương chủ yếu hiện tại còn thấy được ở trên bệnh nhân là các vết xát da, rách da cơ và vết mổ.... Đi lại được nhưng còn khó khăn. Xếp tỉ lệ thương tích 26%”*.

Bị cáo Trần Chí T đã sử dụng rượu bia nhưng vẫn điều khiển xe ô tô tham gia giao thông đường bộ và đi không đúng phần đường quy định dẫn đến va chạm với xe mô tô do Lê Đình L chở Nguyễn Ngọc H ngồi sau chạy hướng ngược lại làm L và H ngã xuống đường, hậu quả L tử vong trên đường đi cấp cứu, H bị thương. Hành vi của T là vi phạm khoản 8 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ năm 2008.

** Vật chứng của vụ án:*

- 01 (Một) xe ô tô hiệu FIAT SIENA màu đỏ, biển kiểm soát 43A-073.73 (tình trạng xe đã qua sử dụng, xe bị hư hỏng do va chạm giao thông, không kiểm tra tình trạng bên trong).

- 01 (Một) xe mô tô hiệu YAMAHA SIRIUS màu đỏ - đen, biển kiểm soát 92H3-7809 (tình trạng xe đã qua sử dụng, xe bị hư hỏng do va chạm giao thông, không kiểm tra tình trạng bên trong).

- 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 43A-073.73 mang tên Đặng Thị Mỹ A;

- 01 (Một) giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô biển kiểm soát 43A-073.73.

(Các vật chứng trên đã trao trả cho chủ sở hữu).

- 01 (Một) giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Trần Chí T (Kèm theo hồ sơ vụ án).

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 10 tháng 2 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo Trần Chí T về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự, tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo T và phân tích tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội về hành vi phạm tội của bị cáo và nhân thân cũng như các T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

a) Về trách nhiệm hình sự

Đề nghị HĐXX tuyên bị cáo Trần Chí T phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 BLHS.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 65 BLHS đề nghị HĐXX tuyên phạt bị cáo Trần Chí T mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 tháng đến 30 tháng.

b) Về xử lý vật chứng:

- Xe ô tô hiệu FIAT SIENA màu đỏ, biển kiểm soát 43A-073.73; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 43A-073.73 mang tên Đặng Thị Mỹ A; Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô biển kiểm soát 43A-073.73 và xe mô tô hiệu YAMAHA SIRIUS màu đỏ - đen, biển kiểm soát 92H3-7809, Cơ quan điều tra đã xử lý trả cho chủ sở hữu nên không đề nghị xem xét.

- Một giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Trần Chí T: áp dụng Điều 106 BLTTHS 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho Trần Chí T.

c) Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo đã tự nguyện bồi thường tiền chi phí do thiệt hại về sức khỏe cho bị hại (H), tính mạng cho những người đại diện hợp pháp của bị hại (L). Những người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không đề nghị xem xét.

Tại hồ sơ và tại phiên tòa bị cáo T khai nhận: Khoảng 20 giờ ngày 12/7/2021, bị cáo Trần Chí T cùng một số người hàng xóm đi dự đám tang rồi rủ nhau đi uống bia. Sau khi uống bia xong T về nhà tại thị trấn A, phụ vợ bán hủ tiếu. Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày khi đã bán hết hủ tiếu, T đã điều khiển xe ô tô con BKS 43A-073.73 từ thị trấn A đến xã Đ theo đường ĐT 609B. Khi đến đường ĐT609B thuộc thôn P, xã Đ. Do đoạn đường xấu, sau khi đã quan sát phía trước, bị cáo bật xi nhanh và điều khiển xe lấn sang phần đường bên trái để tránh đoạn đường phía trước gồ ghề thì bất ngờ tông vào xe mô tô BKS 92H3-

7809 do Lê Đình L điều khiển chở Nguyễn Ngọc H ngồi sau chạy hướng ngược lại, chứ bị cáo không phóng nhanh, bị cáo có lỗi do đi không đúng phần đường và điều khiển xe trong T trạng đã uống bia. Hậu quả vụ tai nạn, làm cho anh Lê Đình L chết, anh Nguyễn Ngọc H bị thương tích 26%.

Đại diện gia đình bị hại (Lê Đình L) ông Lê Đình P trình bày: Bị cáo và gia đình bị cáo có đến thăm viếng gia đình ông, có bồi thường chi phí theo yêu cầu của gia đình ông, hiện tại ông thấy hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn gia đình ông không có yêu cầu gì thêm, nhưng sau này khi có điều kiện thì cáo T với lương tâm của con người thì có một phần phần trách nhiệm với con của anh Lê Đình L. Về phần hình phạt ông P đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo T hưởng mức án nhẹ nhất.

Bị hại Nguyễn Ngọc H có đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo T và không có yêu cầu gì thêm về mặt dân sự.

Bị cáo T nói lời nói sau cùng: Bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, gây nên cái chết với anh L xin lỗi gia đình bị hại, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện chăm sóc vợ đau ốm và nuôi con nhỏ. Vì trong thời gian bị cáo bị tạm giam, gia đình bị cáo rơi vào hoàn cảnh rất khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Phân tích tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người bị hại, đại diện người bị hại không có người nào, có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Phân tích những chứng cứ xác định có tội:

Căn cứ lời khai nhận tội nêu trên của bị cáo T đối chiếu thấy phù hợp với lời khai của bị hại anh Nguyễn Ngọc H, đại diện cho người bị hại (anh L), phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm tử thi và chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận công khai tại phiên tòa.

Từ những dấu vết để lại tại hiện trường, trên phương tiện giao thông và kết quả điều tra xác định: nguyên nhân gây ra vụ tai nạn giao thông trên do lỗi của Trần Chí T điều khiển xe ô tô 43A-073.73 trong T trạng hơi thở có nồng độ cồn 0,466 miligam/lít vượt quá 0,25 miligam/lít khí thở, đi không đúng phần đường quy định. Hành vi của Trần Chí T vi phạm khoản 8 Điều 8, khoản 1 Điều 9; Luật giao thông đường bộ năm 2008.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của bị cáo T đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

[3] Đánh giá tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Xét tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi của bị cáo điều khiển xe khi tham gia giao thông đã sử dụng rượu bia, không đi đúng phần đường của mình, gây ra vụ tai nạn giao thông, làm chết 01 người và bị thương 01 người, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tính mạng của anh L và sức khỏe của anh H để lại nỗi đau cho người thân trong gia đình anh L, gây ảnh hưởng xấu đến T hình an ninh, an toàn giao thông tại địa phương.

Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ phạm tội mà bị cáo đã gây ra, để có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên xét thấy tại cơ quan điều tra và phiên tòa bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại. Đại diện cho người bị hại (L) và bị hại (H) xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vợ bị cáo thường xuyên đau ốm, con còn nhỏ. Bị cáo không có T tiết tăng nặng, bị cáo T được áp dụng các T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự và có nơi cư trú rõ ràng; không có T tiết tăng nặng trách nhiệm hình. Hoàn cảnh gia đình bị cáo có vợ thường xuyên ốm đau, hai con còn nhỏ trong độ tuổi ăn học, bị cáo hiện là lao động chính trong gia đình nên xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo cho UBND địa phương nơi bị cáo cư trú theo dõi, giáo dục trong thời gian thử thách để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Trách nhiệm bồi thường thiệt hại: bị cáo đã bồi thường thiệt hại gia đình bị hại không có yêu cầu gì thêm HĐXX không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: - 01 (Một) xe ô tô hiệu FIAT SIENA màu đỏ, biển kiểm soát 43A-073.73 (T trạng xe đã qua sử dụng, xe bị hư hỏng do va chạm giao thông, không kiểm tra T trạng bên trong).

- 01 (Một) xe mô tô hiệu YAMAHA SIRIUS màu đỏ - đen, biển kiểm soát 92H3-7809 (T trạng xe đã qua sử dụng, xe bị hư hỏng do va chạm giao thông, không kiểm tra T trạng bên trong).

- 01(Một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 43A-073.73 mang tên Đặng Thị Mỹ A.

- 01 (Một) giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô biển kiểm soát 43A-073.73.

Các vật chứng trên đã trao trả cho chủ sở hữu đã trả cho chủ sở hữu là phù hợp nên HĐXX không xem xét thêm.

- 01 (Một) giấy phép lái xe, số 490176009231, hạng B2 mang tên Trần Chí T(Kèm theo hồ sơ vụ án). HĐXX trả cho bị cáo T.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo Trần Chí T, phải chịu án phí theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Trần Chí T phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 260, điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Chí T 01 (một) năm 3 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 2 (hai) năm 6 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Chí T cho UBND thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Q quản lý giáo dục trong thời gian thử thách án treo. Trong trường hợp bị cáo T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo mà cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại, người đại diện cho bị hại không có yêu cầu gì thêm.

Về xử lý vật chứng: - 01 (Một) giấy phép lái xe, số 490176009231, hạng B2 mang tên Trần Chí T (Kèm theo hồ sơ vụ án), trả cho bị cáo T.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của BLTTHS và Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Chí T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm bị cáo, người đại diện bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết bị hại, đại diện người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Q xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Q;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Triệu